Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8482.30.00

Mã HS	8482.30.00
Mô tả hàng hóa	Ổ bi hoặc ổ đũa / - Ổ đũa cầu
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 13:19:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84823000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14604
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14604
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14604
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13957
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13898
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13898
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13898
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13898
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13898
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13898
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13952
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13952

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13952
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13952
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13952
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13952
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13953
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13953
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13953
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13953
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13953
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13953
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13956
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13904
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13912
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13912
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13912
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13912
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13912
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13912
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13943
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13943
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13943
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13943
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13943
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13943
VCFTA	2022	2022	3	VC!D13998
VCFTA	2023	2023	3	VC!E13998

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13998
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13998
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13998
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13998
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13975
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13975
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13975
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13975
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13975
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13975
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D13975
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E13975
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F13975
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G13975
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H13975
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13975
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13990
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13990
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13990
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13990
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13990
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13990
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13989
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13989
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13989
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13989

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13989
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13989
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13969
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13969
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13969
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13969
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13969
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13969
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13969
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13977
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13977
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13977
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13977
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13977
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13977
RCEP B	2022	2022	0	B!D13977
RCEP B	2023	2023	0	B!E13977
RCEP B	2024	2024	0	B!F13977
RCEP B	2025	2025	0	B!G13977
RCEP B	2026	2026	0	B!H13977
RCEP B	2027	2027	0	B!I13977
RCEP C	2022	2022	0	C!D13977
RCEP C	2023	2023	0	C!E13977
RCEP C	2024	2024	0	C!F13977
RCEP C	2025	2025	0	C!G13977
RCEP C	2026	2026	0	C!H13977

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13977
RCEP D	2022	2022	0	D!D13976
RCEP D	2023	2023	0	D!E13976
RCEP D	2024	2024	0	D!F13976
RCEP D	2025	2025	0	D!G13976
RCEP D	2026	2026	0	D!H13976
RCEP D	2027	2027	0	D!I13976
RCEP E	2022	2022	0	E!D13980
RCEP E	2023	2023	0	E!E13980
RCEP E	2024	2024	0	E!F13980
RCEP E	2025	2025	0	E!G13980
RCEP E	2026	2026	0	E!H13980
RCEP E	2027	2027	0	E!I13980
RCEP F	2022	2022	0	F!D13977
RCEP F	2023	2023	0	F!E13977
RCEP F	2024	2024	0	F!F13977
RCEP F	2025	2025	0	F!G13977
RCEP F	2026	2026	0	F!H13977
RCEP F	2027	2027	0	F!I13977
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F12983
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G12983
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H12983
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I12983

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8482.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8482.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14604), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.